

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 1878/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1. Bà Lê Tuyết N, sinh năm 1957.

Địa chỉ thường trú: Số P180, đường N12, khu dân cư V, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số B9, đường N1, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Hải S, sinh năm 1954.

Địa chỉ thường trú: Số P180, đường N12, khu dân cư V, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số B9, đường N1, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Tuyết N và ông Nguyễn Hải S kết hôn năm 1981, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố B, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn tới thường xuyên cãi vã. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng tới mức không thể hóa giải. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông bà vẫn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Lê Tuyết N và ông Nguyễn Hải S có 02 con chung tên Nguyễn Minh X, sinh ngày 15/3/1985 và Nguyễn Thị Phương Y, sinh ngày 18/01/1989. Đối với các con chung đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Tuyết N và ông Nguyễn Hải S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Tuyết N và ông Nguyễn Hải S có 02 con chung tên Nguyễn Minh X, sinh ngày 15/3/1985 và Nguyễn Thị Phương Y, sinh ngày 18/01/1989. Đối với các con chung đều trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lê Tuyết N và ông Nguyễn Hải S khai tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Tuyết N và ông Nguyễn Hải S khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Tuyết N và ông Nguyễn Hải S thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bà Lê Tuyết N và ông Nguyễn Hải S không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Biên Hòa (2);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: HS, VP, TP (3).

THẨM PHÁN

Lê Văn Thăng